

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2013/QĐ-UBND
[DỰ THẢO]

Quảng Ninh, ngày tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý hoạt động tàu du lịch trên vịnh Hạ Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/3/2011 năm 2003;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;
- Căn cứ Luật Di sản Văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Luật Phòng cháy chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Luật Du lịch ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số /TTr-SGTVT ngày ... tháng 5 năm 2013,

Ban hành quy định quản lý hoạt động tàu du lịch trên vịnh Hạ Long như sau:

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý hoạt động của tàu du lịch trên Vịnh Hạ Long, bao gồm:

1. Điều kiện hoạt động của tàu du lịch;
2. Điều kiện đối với người làm việc trên tàu du lịch;
3. Quy định về cảng, bến, vùng neo đậu phục vụ tàu du lịch;
4. Hoạt động cảng, bến tàu du lịch, khu vực đón trả khách tại điểm tham quan, vùng neo đậu cho tàu du lịch;
5. Trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, khách du lịch;

6. Quy định về hoạt động của các loại hình dịch vụ trên vịnh Hạ Long.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tàu du lịch trên Vịnh Hạ Long.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Ngoài các thuật ngữ nêu trong các tiêu chuẩn tương ứng mà phương tiện thủy nội địa, cảng, bến, luồng, tuyến điểm tham quan du lịch áp dụng. Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vịnh Hạ Long: Bao gồm Vịnh Hạ Long và Vịnh Bái Tử Long.
2. Tàu du lịch: Là phương tiện vận tải hành khách thủy nội địa, chuyên phục vụ khách du lịch trên vịnh Hạ Long, bao gồm:
 - a) Tàu tham quan: Là tàu du lịch chuyên vận chuyển và phục vụ khách tham quan;
 - b) Tàu lưu trú: Là phương tiện thủy nội địa chở khách du lịch, có buồng ngủ, trên hành trình có neo lại để cho khách du lịch ngủ qua đêm;
 - c) Nhà hàng nổi: Là phương tiện thủy nội địa chở khách, có đăng ký kinh doanh nhà hàng nổi phục vụ ăn uống trên phương tiện mà không bố trí các buồng ngủ lưu trú trên phương tiện.
3. Phương tiện chuyển tải: Là phương tiện thủy nội địa chuyên hoạt động chuyển tải khách và phục vụ cho tàu du lịch trong vùng nước neo đậu của cảng, bến và vùng nước neo đậu tàu lưu trú.
4. Điểm lưu trú: Là khu vực neo đậu tàu lưu trú trên vịnh Hạ Long được quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL.
5. Điểm dịch vụ trên vịnh Hạ Long (sau đây gọi tắt là điểm dịch vụ): Là nơi cung cấp các dịch vụ cho khách du lịch trên Vịnh Hạ Long, được cấp có thẩm quyền cấp phép hoạt động.
6. Chủ tàu du lịch là một trong các đối tượng sau đây:
 - a) Người sở hữu tàu du lịch;
 - b) Người được người sở hữu phương tiện giao quyền quản lý, sử dụng phương tiện;
 - c) Người thuê tàu du lịch không có thuyền viên để khai thác vận chuyển, lưu trú khách du lịch;
 - d) Thuyền trưởng.
7. Hiệp hội tàu du lịch Quảng Ninh: Là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của các doanh nghiệp (hộ cá thể) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vận chuyển

khách du lịch tham quan, lưu trú ngủ đêm trên vịnh Hạ Long đảm bảo các điều kiện hoạt động theo Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định thành lập.

Chương II: ĐIỀU KIỆN KINH DOANH TÀU DU LỊCH

Mục 1. ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI TÀU THAM QUAN

Điều 4. Điều kiện an toàn, kỹ thuật và bảo vệ môi trường

1. Thỏa mãn tiêu chuẩn Ổn định cấp tàu SI theo Quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa TCVN 5801÷2005.
2. Đạt hệ số an toàn Ổn định trong mọi trạng thái (hệ số K) $\geq 1,50$.
3. Trang bị phòng cháy và chữa cháy đảm bảo quy định tại Nghị định 35/2003/NĐ-CP của Chính phủ.
4. Thiết bị bảo vệ môi trường đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy phạm ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện thủy nội địa QCVN 17:2011/BGTVT.
5. Trang bị thiết bị định vị vệ tinh (GPS) đảm bảo hoạt động liên tục, đồng bộ theo yêu cầu kỹ thuật của hệ thống thông tin quản lý, điều hành hoạt động tàu du lịch.
6. Trang bị thiết bị thông tin liên lạc bằng VHF đảm bảo hoạt động tốt trong bán kính 35km, liên lạc thông suốt 24/24h.
7. Trang bị hệ thống báo cháy tự động hoặc thiết bị báo cháy bằng tay lắp đặt tại các khu vực chức năng trên tàu; Bình chữa cháy là loại bình bột ABC và bình khí CO₂.
8. Bổ sung số lượng phao áo cho trẻ em bằng 10% số lượng khách.

Phương án 2-phương án quy định khống chế thời gian tàu hoạt động

Điều 4. Điều kiện an toàn, kỹ thuật và bảo vệ môi trường

1. Thỏa mãn tiêu chuẩn Ổn định cấp tàu SI theo Quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa TCVN 5801÷2005.
2. Đạt hệ số an toàn Ổn định trong mọi trạng thái (hệ số K) $\geq 1,50$.
3. Đối với tàu vỏ gỗ hoạt động được đủ 10 (mười) năm kể từ khi hạ thủy đóng mới hoặc từ khi đại tu thay vỏ phải thực hiện tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn kỹ thuật cho tàu như gia cường thêm một lớp vỏ gỗ hoặc các loại vật liệu: composit, sắt ...
4. Trang bị phòng cháy và chữa cháy đảm bảo quy định tại Nghị định 35/2003/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Thiết bị bảo vệ môi trường đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy phạm ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện thủy nội địa QCVN 17:2011/BGTVT.
6. Trang bị thiết bị định vị vệ tinh (GPS) đảm bảo hoạt động liên tục, đồng bộ theo yêu cầu kỹ thuật của hệ thống thông tin quản lý, điều hành hoạt động tàu du lịch.
7. Trang bị thiết bị thông tin liên lạc bằng VHF đảm bảo hoạt động tốt trong bán kính 35km, liên lạc thông suốt 24/24h.
8. Trang bị hệ thống báo cháy tự động hoặc thiết bị báo cháy bằng tay lắp đặt tại các khu vực chức năng trên tàu; Bình chữa cháy là loại bình bột ABC và bình khí CO₂.
9. Bổ sung số lượng phao áo cho trẻ em bằng 10% số lượng khách.

Điều 5. Yêu cầu thẩm mỹ, tiện nghi

1. Sơn trắng toàn bộ mặt ngoài vỏ tàu từ mớn nước trở lên, trừ con trạch, đệm va, tời, neo, cột bích, ống khói, cột buồm, đầu rồng, phù điêu, lô gô và các thiết bị khác trên boong.
2. Bố trí đủ các phòng, bộ phận chức năng đáp ứng phục vụ khách du lịch.
3. Phòng ăn và khu chế biến đảm bảo yêu cầu quy định của Thông tư số 30/2012/TT-BYT ngày 05/12/2012 của Bộ Y tế.
4. Phòng vệ sinh (WC):
 - a) Bố trí tối thiểu 01 phòng cho tàu có sức chở đến 20 khách, 02 phòng cho tàu có sức chở trên 20 khách;
 - b) Có bồn cầu, chậu rửa, vòi nước, gương treo tường, biển hiệu phòng vệ sinh;

Điều 6. Quy định về thuyền viên và nhân viên phục vụ

1. Đảm bảo các quy định về định biên và tiêu chuẩn thuyền viên phù hợp với các chức danh làm việc trên tàu đảm bảo theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL và Nghị định 35/2003/NĐ-CP.
2. Mỗi tàu bố trí tối thiểu 01 nhân viên phục vụ hành khách.
3. Nhân viên phục vụ phải được tập huấn, cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch.
4. Sử dụng đồng phục khi làm việc.

Điều 7. Các quy định, điều kiện khác

1. Tàu thuộc danh sách kiểm tra, phân loại đủ tiêu chuẩn hoạt động hàng năm.
2. Đảm bảo các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL.

3. Các hướng dẫn về an toàn và giá dịch vụ thể hiện bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
4. Trang bị tủ thuốc và các dụng cụ sơ cứu, cứu nạn theo danh mục quy định của ngành Y tế.
5. Xây dựng và thực hiện phương án phòng chống giông bão, chống đắm và cứu nạn cứu hộ tại chỗ.

Mục 2. ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI TÀU LƯU TRÚ

Điều 8. Điều kiện an toàn, kỹ thuật và bảo vệ môi trường

1. Đảm bảo tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Thông tư số 43/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ Giao thông vận tải.
2. Đảm bảo yêu cầu quy định tại Điều 4 Bản quy định này.
3. Trang bị tối thiểu 01 bình bột chữa cháy loại MFZT35 (ABC);
4. Trang bị 01 bình bột chữa cháy loại MFZ2 hoặc MFZ4 (ABC) trong mỗi phòng ngủ dành cho khách du lịch.

Điều 9. Yêu cầu về thẩm mỹ, tiện nghi

1. Thỏa mãn quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 5 Bản quy định này.
2. Thỏa mãn yêu cầu chung và tiêu chí xếp hạng đối với tàu đạt Hạng 1 (một) sao trở lên, quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9372÷2012 về Tàu thủy lưu trú - xếp hạng.

Điều 10. Quy định về thuyền viên và nhân viên phục vụ

1. Đảm bảo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 6 Bản quy định này.
2. Bố trí số lượng thuyền viên tối thiểu bằng 1,5 lần so với định biên tối thiểu quy định tại quyết định số 28/2004/QĐ-BGTVT ngày 07/12/2004 của Bộ Giao thông vận tải.
3. Bố trí số lượng nhân viên phục vụ đủ cho các loại hình dịch vụ trên tàu.
4. Đối với người có bằng thuyền trưởng hạng Ba, khi đảm nhận chức danh thuyền trưởng phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm thực tế.

Điều 11. Các quy định, điều kiện khác

1. Đảm bảo quy định tại Điều 7 Bản quy định này.
2. Đảm bảo các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL.
3. Chủ thể kinh doanh, khai thác tàu lưu trú phải là doanh nghiệp. Trong doanh nghiệp phải có bộ phận kỹ thuật, pháp chế, an toàn. Người làm công tác này phải có kinh nghiệm, bằng cấp, trình độ chuyên môn, hiểu biết về phương tiện thủy nội

địa.

4. Tàu thuộc danh sách kiểm tra, phân loại đủ điều kiện hoạt động hàng năm.
5. Được xếp hạng theo quy định tại khoản 3, Điều 13 bản quy định này.

Mục 3. ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI TÀU NHÀ HÀNG

Điều 12. Điều kiện hoạt động

1. Đảm bảo yêu cầu quy định tại Điều 5; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 8; Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 10; Điều 11 Bản quy định này.
2. Có phương án hành trình, neo đậu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
3. Khách sử dụng dịch vụ ăn uống được quy định tại Điều này không phải mua vé tham quan Vịnh Hạ Long.

Chương III: PHÂN LOẠI, XẾP HẠNG TÀU DU LỊCH

Điều 13. Kiểm tra, phân loại, xếp hạng

1. Tàu du lịch phải được phân loại hàng năm, phân thành 5 loại từ thấp đến cao:
 - a) Tàu đạt tiêu chuẩn hoạt động;
 - b) Tàu loại Bốn;
 - c) Tàu loại Ba;
 - d) Tàu loại Hai;
 - e) Tàu loại Một.
2. Kết quả phân loại tàu du lịch hàng năm là cơ sở để xác định tàu đủ điều kiện hoạt động trên vịnh Hạ Long và là cơ sở để xây dựng đơn giá vận chuyển.
3. Tàu lưu trú ngoài việc phân loại hàng năm, còn phải thực hiện quy định về đánh giá xếp hạng theo quy định tại Thông tư 88/2008/TT-BVHTTDL.

Điều 14. Tàu đạt tiêu chuẩn hoạt động

Tàu đáp ứng các quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Bản quy định này.

Điều 15. Tiêu chuẩn tàu Loại Bốn

1. Đảm bảo quy định tại Điều 14 Bản quy định này.
2. Tàu có thời gian hoạt động từ 15 (mười lăm) năm trở xuống kể từ khi đóng mới (theo mốc ghi trong giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa) hoặc kể từ khi đại tu thay vỏ.
3. Tàu vỏ gỗ có thời gian hoạt động từ 10 (mười) năm trở xuống kể từ khi đóng mới (theo mốc ghi trong giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

phương tiện thủy nội địa) hoặc kể từ khi đại tu thay vỏ.

4. Các khu vực chức năng trên tàu bố trí hài hoà, thuận tiện; Phòng khách có diện tích tối thiểu đạt $0,75\text{m}^2/\text{khách}$ (theo sức chở của phương tiện). Tổng diện tích phòng vệ sinh chung đạt $2,0\text{m}^2$.

5. Bố trí tối thiểu 01 hệ thống hướng dẫn quy trình đảm bảo an toàn cho khách bằng hệ thống truyền thông hiện đại.

6. Có các dịch vụ bán hàng lưu niệm, giải khát trên tàu.

Điều 16. Tiêu chuẩn tàu Loại Ba

1. Đáp ứng các quy định tàu Loại Bốn quy định tại Điều 15 Bản quy định này.

2. Tàu có thời gian hoạt động từ 13 (mười ba) năm trở xuống kể từ khi đóng mới (theo mốc ghi trong giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa) hoặc kể từ khi đại tu thay vỏ.

3. Tàu vỏ gỗ có thời gian hoạt động từ 08 (tám) năm trở xuống kể từ khi đóng mới (theo mốc ghi trong giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa) hoặc kể từ khi đại tu thay vỏ.

4. Các khu vực chức năng trên tàu bố trí hài hoà, thuận tiện; Phòng khách có diện tích tối thiểu đạt $01\text{m}^2/\text{khách}$ (theo sức chở của phương tiện); Tổng diện tích phòng vệ sinh chung đạt $2,5\text{m}^2$.

Điều 17. Tiêu chuẩn tàu loại Hai

1. Đáp ứng các quy định của tàu Loại Ba quy định tại Điều 16 Quy định này.

2. Tàu có thời gian hoạt động từ 11 (mười một) năm trở xuống kể từ khi đóng mới (theo mốc ghi trong giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa) hoặc kể từ khi đại tu thay vỏ.

3. Tàu vỏ gỗ có thời gian hoạt động từ 06 (sáu) năm trở xuống kể từ khi đóng mới (theo mốc ghi trong giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa) hoặc kể từ khi đại tu thay vỏ.

4. Các khu vực chức năng trên tàu bố trí hài hoà, thuận tiện; Phòng khách có diện tích tối thiểu đạt $1,25\text{m}^2/\text{khách}$ (theo sức chở của phương tiện). Phòng vệ sinh chung tối thiểu đạt $2,75\text{m}^2/\text{phòng}$.

5. Nội ngoại thất được trang trí trang nhã, hài hoà, đồng bộ. Dây chuyền phục vụ giữa các bộ phận đảm bảo liên hoàn, một chiều.

6. Trang thiết bị, tiện nghi phục vụ

a) Trong phòng khách có trang trí tranh, ảnh, cây cảnh, bản đồ tuyến du lịch trên Vịnh Hạ Long,...; có trang bị hệ thống loa, micrô;

b) Có máy phát điện đủ công suất cấp điện cho các thiết bị trên tàu, đảm bảo độ ổn, độ rung và an toàn theo quy định.

7. Có các dịch vụ bán hàng lưu niệm, giải khát, ăn uống, nhận giữ tiền và tư trang của khách, khuôn vác hành lý trên tàu.

Điều 18. Tiêu chuẩn tàu loại Một

1. Đáp ứng các quy định của tàu Loại Hai quy định tại Điều 17 Quy định này.

2. Tàu có thời gian hoạt động từ 09 (chín) năm trở xuống kể từ khi đóng mới (theo mốc ghi trong giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa) hoặc kể từ khi đại tu thay vỏ.

3. Tàu vỏ gỗ có thời gian hoạt động từ 04 (bốn) năm trở xuống kể từ khi đóng mới (theo mốc ghi trong giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa) hoặc kể từ khi đại tu thay vỏ.

4. Các khu vực chức năng trên tàu bố trí hài hoà, thuận tiện; Phòng khách có diện tích tối thiểu đạt $1,5m^2$ /khách (theo sức chở của phương tiện). Phòng vệ sinh chung tối thiểu đạt $3,00m^2$ /phòng.

5. Có khu vực sảnh đón tiếp độc lập với phòng khách. Diện tích sảnh đón tiếp đạt tối thiểu $0,5m^2$ /khách. Tại sảnh đón tiếp khách có trang bị bàn, ghế; bản đồ và các tập giới thiệu về Vịnh Hạ Long.

Điều 19. Tổ chức kiểm tra, phân loại tàu

1. Công tác kiểm tra, phân loại tàu được tổ chức thực hiện tập trung, thống nhất vào một thời điểm trong năm do Hội đồng thẩm định thực hiện; Hội đồng gồm lãnh đạo các sở, ngành: Giao thông vận tải - Chủ tịch hội đồng, Công an tỉnh, Sở Văn hoá thể thao du lịch, Ban quản lý vịnh Hạ Long.

2. Cơ chế làm việc:

a) Đầu kỳ kiểm tra, phân hạng tàu du lịch hàng năm, Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập tổ công tác trên cơ sở danh sách thành viên do các ngành cung cấp và tổ chức kiểm tra phân loại tàu;

b) Chủ tịch có trách nhiệm phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên theo chức năng, nhiệm vụ chuyên ngành trước khi tiến hành kiểm tra, phân loại tàu.

c) Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra. Chủ tịch Hội đồng có thông báo kết quả phân loại tàu đến các cơ quan chức năng để phối hợp quản lý;

d) Đối với tàu đóng mới hoặc không kiểm tra vì lý do bất khả kháng, sẽ được kiểm tra, đánh giá tiêu chuẩn, xếp hạng bổ sung sau đó.

3. Tàu du lịch không đạt tiêu chuẩn hoạt động quy định tại Khoản 2, Điều 13 bản Quy định này, không được hoạt động kinh doanh vận chuyển, lưu trú khách du lịch.

4. Quyết định công nhận phân loại tàu du lịch có giá trị trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký. Căn cứ để quyết định chất lượng tàu du lịch là biên bản của đoàn kiểm tra. Biên bản được sử dụng trong thời gian chưa có quyết định công nhận chính thức của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.
5. Kết thúc đợt kiểm tra, những tàu không tham gia kiểm tra phân loại không được hoạt động trên vịnh Hạ Long.
6. Việc kiểm tra định kỳ tàu du lịch phải có sự phối hợp của các cơ quan có liên quan thông qua cơ quan thường trực.

Điều 20. Xếp hạng tàu lưu trú

1. Công tác xếp hạng tàu lưu trú do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thực hiện.
2. Tiêu chí để đánh giá xếp hạng tàu lưu trú thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9372÷2012.
3. Kết quả xếp hạng tàu lưu trú dùng để xác định chất lượng dịch vụ của tàu và là cơ sở để xây dựng đơn giá bán dịch vụ lưu trú nghỉ đêm và các loại hình dịch vụ khác trên tàu.
4. Giấy chứng nhận xếp hạng tàu lưu trú thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Bản quy định này; thay thế giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn lưu trú du lịch trên vịnh Hạ Long.

Chương IV: HOẠT ĐỘNG TÀU DU LỊCH

Mục 1. HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THAM QUAN

Điều 21. Danh sách hành khách

1. Danh sách khách du lịch tham quan Vịnh Hạ Long sử dụng danh sách hành khách theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Bản quy định này.
2. Người lập danh sách phải ghi đầy đủ các cột, mục theo yêu cầu, chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh sách được lập.
3. Danh sách hành khách được lập thành 02 bản cho mỗi chuyến tàu, 01 bản giao cho thuyền trưởng, 01 bản lưu tại cảng vụ nơi cấp phép rời cảng, bến trong 30 ngày.

Điều 22. Cấp phép tàu vào, rời cảng, bến đón, trả khách

1. Căn cứ theo quy định tại Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ Giao thông Vận tải về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa và tình hình thực tế của hoạt động vận chuyển khách du lịch tham quan Vịnh Hạ Long, Cảng vụ thực hiện cấp phép vào, rời cảng, bến cho tàu du lịch theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều này.

2. Cấp giấy phép vào cảng, bến

a) Việc cấp giấy phép vào cảng, bến cho tàu du lịch được thực hiện cấp một lần trong tháng. Giấy phép vào cảng, bến có giá trị sử dụng trong 30 ngày kể từ ngày cấp.

b) Giấy tờ phải xuất trình:

- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa;
- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
- Danh bạ thuyền viên;
- Bằng, chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận nghiệp vụ và các giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ khác của người làm việc trên tàu;
- Giấy phép rời cảng, bến cuối cùng.

c) Cảng vụ kiểm tra, xác nhận cho phép tàu vào cập cảng, bến để đón khách nếu đủ các điều kiện. Tạm thời lưu giữ sổ danh bạ thuyền viên, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của tàu trong thời gian tàu đón khách tại cảng.

3. Cấp giấy phép rời cảng, bến:

a) Trước khi cấp phép rời cảng, bến Cảng vụ có trách nhiệm kiểm tra thực tế về các điều kiện an toàn theo quy định và số lượng khách theo danh sách và phương tiện chuyển tải đi kèm (nếu có) của Bản quy định này;

b) Khi làm thủ tục cấp phép rời cảng, bến, thuyền trưởng xuất trình giấy phép vào cảng, bến đã được cảng vụ xác nhận; 01 bản danh sách khách du lịch theo quy định tại Điều 21 Bản quy định này; chứng từ xác nhận việc nộp phí, lệ phí, tiền phạt, thanh toán tiền dịch vụ với chủ khai thác cảng, bến hoặc các khoản nợ theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 23. Thời gian cấp phép rời cảng, bến; cập cảng, bến

1. Cấp phép rời cảng, bến

a) Mùa hè (tính từ ngày 16/4 đến hết ngày 31/10): cấp từ 06h00'; ngừng cấp từ 16h30'.

b) Mùa đông (tính từ ngày 01/11 đến hết ngày 15/4 năm sau): cấp từ 06h30'; ngừng cấp từ 16h00'.

2. Cấp phép cập cảng, bến

a). Mùa hè (tính từ ngày 16/4 đến hết ngày 31/10): Chậm nhất đến 19h00'.

b) Mùa đông (tính từ ngày 01/11 đến hết ngày 15/4 năm sau): Chậm nhất đến 18h30'.

Điều 24. Chuyển tải khách trong vùng nước cảng, bến

1. Tàu lưu trú được phép neo đậu trong vùng nước cảng, bến để chuyển tải khách từ cầu cảng, bến ra tàu và ngược lại. Chủ phương tiện, thuyền trưởng phải chịu trách nhiệm về việc chuyển tải khách.
2. Phương tiện chuyển tải không di chuyển tốc độ cao, hạn chế tạo sóng để đảm bảo an toàn; chỉ được chở khách đúng số lượng, đúng tên khách theo danh sách đã đăng ký.
3. Phương tiện chuyển tải không được dùng để vận chuyển khách tham quan Vịnh Hạ Long như tàu du lịch.
4. Khi chuyển tải, thuyền trưởng, người lái phương tiện chuyển tải có trách nhiệm hướng dẫn và yêu cầu hành khách mặc áo phao.
5. Chủ cảng, bến quy định khu vực dành riêng cho phương tiện chuyển tải hoạt động.

Điều 25. Không cấp phép rời cảng, bến

1. Cảng vụ quyết định việc không cấp phép cho tàu hoạt động khi thời tiết không đảm bảo an toàn khi hoạt động trên vịnh.
2. Tàu du lịch không đạt tiêu chuẩn hoạt động quy định tại Khoản 1 Điều 13 Bản quy định này.
3. Tàu du lịch vận chuyển khách tham quan theo các tuyến tại Phụ lục II kèm theo Bản quy định này không có giấy phép rời cảng, bến cuối cùng; tàu đưa khách đến các điểm dịch vụ chưa được công bố theo quy định.
4. Các trường hợp vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2. HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU LƯU TRÚ

Điều 26. Khai báo tạm trú cho khách du lịch lưu trú

1. Chủ tàu lưu trú có trách nhiệm khai báo đăng ký tạm trú cho khách du lịch lưu trú với cơ quan Công an theo quy định tại Thông tư số 33/2010/TT-BCA.
2. Danh sách khai báo đăng ký tạm trú cho khách du lịch lưu trú thay thế danh sách hành khách quy định tại Điều 21 Bản quy định này.
3. Danh sách khách du lịch lưu trú sau khi truyền qua mạng được in thành 02 bản, 01 bản thuyền trưởng mang theo chuyển hành trình, 01 bản nộp cho Cảng vụ khi làm giấy phép rời cảng, bến.
4. Danh sách khách du lịch lưu trú được lưu trữ tại Cảng vụ và trên tàu tối thiểu 06 tháng.

Điều 27. Cấp phép tàu lưu trú rời cảng, bến

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Bản quy định này, yêu cầu phải xuất trình bổ sung các loại giấy tờ sau:

- a) Giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;
- b) Giấy chứng nhận xếp hạng tàu lưu trú.

2. Giấy phép rời cảng đối với tàu lưu trú thực hiện theo mẫu thống nhất do Cảng vụ quy định.

Điều 28. Các quy định khác

1. Tàu lưu trú chỉ được đón khách nghỉ đêm tại các cảng, bến du lịch đã được công bố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Cảng, bến du lịch phải được ghi rõ trong giấy phép rời cảng.

2. Khi tàu đã có khách lưu trú, chủ tàu, thuyền trưởng không được kết hợp đón khách tham quan du lịch.

3. Trường hợp có trẻ em (dưới 12 tuổi) đi cùng thì chỉ được ghép không quá 01 trẻ em/phòng và tàu phải trang bị bổ sung phao cứu sinh, thiết bị an toàn cho số khách ghép này.

Chương V: QUY ĐỊNH VỀ CẢNG, BẾN, ĐIỂM, TUYẾN DU LỊCH

Mục 1. CẢNG, BẾN DU LỊCH

Điều 29. Cảng, bến tàu khách du lịch

Cảng, bến phục vụ khách du lịch trên vịnh Hạ Long bao gồm:

1. Cảng, bến trong đất liền.
2. Cảng, bến tại điểm đón khách tham quan.
3. Khu vực neo đậu tàu lưu trú.

Điều 30. Điều kiện hoạt động

Đảm bảo yêu cầu quy định tại Điều 4, Thông tư liên tịch số 22/TTLT-BGTVT-BVHTTDL.

1. Cảng trong đất liền:

a) Bố trí đầy đủ hệ thống nhà chờ, nhà điều hành trang bị đầy đủ các tiện nghi phục vụ khách du lịch như: ghế ngồi, quạt điện, điều hoà đảm bảo thoáng mát; khu vực bán vé, điểm truy cập internet; trung tâm, phương tiện thông tin hướng dẫn cho khách du lịch về tuyến, điểm du lịch trên Vịnh Hạ Long;

b) Có các dịch vụ phục vụ cho khách du lịch: hàng ăn nhanh, giải khát, mua bán đồ lưu niệm, bưu điện, thu đổi ngoại tệ...;

c) Có đại lý, dịch vụ cung cấp hoặc khu vực tiếp nhận nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động của tàu du lịch;

d) Có khu vực vệ sinh công cộng (WC) đảm bảo sạch, văn minh, lịch sự.

2. Cảng, bến tại điểm tham quan:

a) Có các phương tiện, bảng thông tin hướng dẫn cho khách du lịch về tuyến, điểm du lịch trên Vịnh Hạ Long;

b) Có khu vực vệ sinh công cộng (WC) đảm bảo sạch, văn minh, lịch sự.

3. Khu vực neo đậu tàu lưu trú:

a) Có hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa, hệ thống phao, biển báo giới hạn vùng nước;

b) Mỗi khu vực neo đậu phải có tối thiểu 01 nhà công vụ;

c) Bố trí lực lượng thường trực khi có tàu neo đỗ để giải quyết các công việc liên quan.

Điều 31. Trách nhiệm chủ cảng, bến

1. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ Giao thông Vận tải.

2. Bán vé tham quan Vịnh Hạ Long, vé hành khách. Hợp đồng cho khách du lịch thuê tàu tham quan, tàu lưu trú (nếu khách có nhu cầu).

3. Kiểm soát vé tham quan Vịnh Hạ Long, vé hành khách của khách trước khi xuống tàu.

4. Khai thác kinh doanh, đại lý các dịch vụ phục vụ cho tàu du lịch và hành khách; đảm bảo an toàn các công trình giao thông, trang thiết bị tài sản của cảng, bến.

5. Duy trì tình trạng hoạt động của các trang, thiết bị đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động tại cảng, bến.

6. Xây dựng các mức giá dịch vụ; thu tiền dịch vụ có liên quan theo quy định.

7. Cấp và kiểm tra thẻ ra vào cảng cho thuyền viên, người phục vụ, người làm việc, dịch vụ tại cảng, bến.

8. Ban hành nội quy, quy chế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nội dung có liên quan tại bản Quy định này.

9. Tổ chức thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật trong phạm vi quản lý.

10. Phối hợp xử lý các vi phạm theo cam kết trong Hợp đồng neo đậu đón trả khách, vi phạm nội quy cảng, bến tàu du lịch và nội dung có liên quan quy định tại Điều 55, 56 bản Quy định này.

11. Phối hợp với cảng vụ bố trí vị trí neo đậu của các nhóm, đội tàu trong khu vực vùng nước quản lý.

12. Tham gia vào quá trình điều tra, giải quyết tai nạn; phòng chống giông bão, cứu hộ cứu nạn, phòng cháy chữa cháy tại vùng nước cảng, bến.

13. Tổ chức dịch vụ tập trung thu gom chất thải từ tàu du lịch.

Mục 2. TUYẾN, ĐIỂM DU LỊCH

Điều 32. Tuyến, điểm du lịch

Tuyến, điểm du lịch trên vịnh Hạ Long quy định chi tiết tại Phụ lục III kèm theo bản Quy định này.

Chương VI: MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 33. Lập, điều chỉnh, bổ sung danh bạ thuyền viên

1. Đối với Doanh nghiệp, Hợp tác xã: Nội dung lập, điều chỉnh, bổ sung danh bạ thuyền viên do Giám đốc doanh nghiệp, chủ nhiệm ký, đóng dấu xác nhận vào danh bạ thuyền viên sau khi đã kiểm tra bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ và các giấy tờ có liên quan theo quy định.

2. Đối với hộ kinh doanh cá thể:

a) Lập danh bạ thuyền viên: Chủ hộ kinh doanh cá thể lập, ký xác nhận danh bạ thuyền viên. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi chủ hộ kinh doanh cá thể đăng ký hộ khẩu thường trú chứng thực chữ ký và đóng dấu giáp lai sổ danh bạ thuyền viên;

b) Điều chỉnh, bổ sung danh bạ thuyền viên: Khi có sự thay đổi thuyền viên, chủ hộ kinh doanh cá thể điều chỉnh, bổ sung vào danh bạ thuyền viên, ký xác nhận sau khi đã kiểm tra bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ và các giấy tờ có liên quan theo quy định.

Điều 34. Quản lý dịch vụ trên Vịnh Hạ Long

Ban Quản lý vịnh Hạ Long chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng quy định quản lý đối với điểm dịch vụ, loại hình dịch vụ phục vụ khách du lịch trên Vịnh Hạ Long.

Điều 35. Cứu hộ, cứu nạn

Thực hiện theo Phương án do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3439/QĐ-UBND ngày

Điều 36. Bảo vệ môi trường

1. Chủ tàu du lịch có trách nhiệm:

- a) Lập bản cam kết bảo vệ môi trường trình Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xem xét, xác nhận theo quy định;
 - b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường đã đăng ký và tuân thủ tiêu chuẩn môi trường;
 - c) Khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của mình gây ra;
 - d) Thực hiện chế độ báo cáo về môi trường theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - đ) Trước và sau mỗi chuyến vận chuyển khách phải làm vệ sinh phương tiện sạch sẽ;
 - e) Có hợp đồng thu gom, xử lý chất thải với các đơn vị có chức năng đã được cấp phép theo quy định;
 - f) Không được ăn ở, sinh hoạt theo quy mô hộ gia đình trên các phương tiện;
 - g) Trong quá trình vận chuyển khách, các chủ phương tiện phải có trách nhiệm nhắc nhở hành khách ý thức bảo vệ môi trường;
 - h) Hàng ngày, chủ phương tiện có trách nhiệm đưa chất thải đến các địa điểm thu gom theo quy định;
2. Chủ cảng, bến có trách nhiệm tổ chức thu gom, xử lý các loại chất thải (rắn, lỏng) trên mặt bến và từ các tàu du lịch trong vùng nước cảng, bến theo quy định.

Điều 37. Giá cước, hợp đồng thuê tàu và các dịch vụ khác

1. Xây dựng, kê khai, niêm yết giá:

- a) Chủ tàu có phải thực hiện xây dựng, kê khai, niêm yết và bán theo giá niêm yết theo quy định của Pháp lệnh giá;
- b) Chủ tàu phải thực hiện kê khai giá với Sở Tài chính theo quy định tại Thông tư số 104/2008/TT-BTC;
- c) Giá kê khai quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này được xây dựng trên cơ sở các tuyến, điểm tham quan, thời gian hành trình, chất lượng tàu theo kết quả phân loại tàu và phải đảm bảo phù hợp với giá thực tế giao dịch thông thường trên thị trường;
- d) Sở Tài chính, Cơ quan thuế, Hiệp hội nghề nghiệp, chủ tàu và các cơ quan, doanh nghiệp có liên quan thống nhất khung giá vận chuyển, các loại hình dịch vụ phục vụ khách du lịch để làm cơ sở thống nhất thực hiện.
- đ) Chủ tàu du lịch phải thực hiện việc niêm yết công khai giá cước vận chuyển khách, giá phòng (buồng) nghỉ trên tàu theo mức giá đã kê khai;
- e) Khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ phải theo đúng giá niêm yết, lập hóa đơn đầy đủ theo đúng quy định; Trường hợp chủ tàu lập hóa đơn (giá vận chuyển, lưu trú) thấp

hơn giá tối thiểu thì xác định mức thuế phải nộp theo mức giá tối thiểu; Mức giá tối thiểu căn cứ theo khung giá quy định tại điểm d Khoản 1 Điều này

f) Giá vận chuyển không bao gồm phí tham quan danh lam thắng cảnh Vịnh Hạ Long và các dịch vụ phục vụ khác.

2. Vé hành khách, hợp đồng vận chuyển:

a) Chủ tàu phải thực hiện phát hành vé cước cho khách du lịch;

b) Khi khách thuê trọn gói cả chuyến tàu mà chủ tàu không phát hành vé thì phải có hợp đồng vận chuyển bằng văn bản theo từng chuyến;

c) Các trường hợp khách liên hệ tham quan vịnh Hạ Long không thuộc đối tượng tại điểm a, điểm b Khoản 2 Điều này. Chủ cảng, bến phải thực hiện bán vé vận chuyển theo mức giá đã niêm yết tại cảng và bố trí sắp xếp tàu vận chuyển khách đi tham quan.

d) Chủ cảng, bến có trách nhiệm soạn thảo mẫu hợp đồng đảm bảo đúng, đủ các nội dung theo quy định; yêu cầu các chủ tàu thống nhất thực hiện đối với các trường hợp quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này.

đ) Hợp đồng thuê tàu, danh sách hành khách, danh sách khách lưu trú nghỉ đêm trên tàu, giấy phép rời Cảng, bến... phải được lưu giữ theo quy định.

3. Đối với các yêu cầu dịch vụ phát sinh ngoài hợp đồng vận chuyển, vé hành khách; chủ tàu phải thỏa thuận, thống nhất trước với khách về giá, số lượng, giá dịch vụ... trước khi cung cấp dịch vụ và chịu trách nhiệm về giải quyết thắc mắc, khiếu nại của khách du lịch.

Điều 38. Nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí

1. Đối với chủ tàu:

a) Phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về đăng ký thuế, khai và nộp thuế, phí, lệ phí... theo đúng các quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản pháp luật về thuế, phí, lệ phí hiện hành;

b) Phí, lệ phí được thực hiện thu theo danh mục và mức thu phí, lệ phí của cơ quan có thẩm quyền quy định.

c) Cung cấp đầy đủ, kịp thời danh sách, số lượng tàu được phép hoạt động kinh doanh du lịch trên Vịnh Hạ Long cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp. Hàng tháng, cùng thời gian nộp hồ sơ khai thuế, chủ cơ sở cung cấp thông tin về số lượt tàu xuất bến (theo giấy phép rời cảng), số lượt khách tham quan (theo danh sách khách thăm Vịnh Hạ Long ban ngày), số lượt khách nghỉ lưu trú (theo danh sách khách nghỉ lưu trú) đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý;

d) Đối với cơ sở kinh doanh có nhiều hoạt động kinh doanh khác nhau như: vận

chuyển khách, lưu trú, ăn uống, bán hàng lưu niệm... thì lập hóa đơn và khai thuế phải tách riêng hoạt động vận chuyển khách, hoạt động lưu trú buồng (phòng).

2. Cơ quan Thuế có trách nhiệm hướng dẫn nội dung về việc cung cấp thông tin, lập hóa đơn, khai thuế cho cơ sở kinh doanh để thực hiện.

Điều 39. Các khoản thu dịch vụ

1. Chủ cảng, bến được thu tiền đối với các dịch vụ đã cung cấp cho người sử dụng.

2. Mức tiền dịch vụ, phương thức thanh toán... do các bên thống nhất, thỏa thuận bằng văn bản hợp đồng hoặc các hình thức khác.

Điều 40. Những hành vi không được thực hiện

Ngoài các hành vi bị cấm quy định tại Điều 8 Luật Giao thông đường thủy nội địa, Điều 12 Luật Du lịch và Điều 7 Luật Bảo vệ môi trường, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận chuyển khách du lịch tham quan Vịnh Hạ Long và khách lưu trú trên tàu không được thực hiện các hành vi sau đây:

1. Đối với chủ tàu

a) Sử dụng tàu không đủ điều kiện quy định vào vận chuyển khách du lịch tham quan Vịnh Hạ Long và khách lưu trú trên tàu;

b) Nhận chở khách du lịch tham quan Vịnh Hạ Long và khách lưu trú trên tàu nhưng không có hợp đồng bằng văn bản hoặc vé hành khách hợp lệ theo quy định tại Bản quy định này. Thu tiền cao hơn giá niêm yết; thu tiền không có thỏa thuận, thống nhất trước với khách; thu tiền thấp hơn giá tối thiểu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Có hành vi lừa đảo hoặc cấu kết với người khác để lừa đảo khách du lịch. Không xuất hoá đơn, vé hành khách hợp lệ cho khách theo quy định;

d) Sử dụng tàu không đủ các giấy tờ, điều kiện theo quy định đối với tàu lưu trú để lừa dối khách, mạo nhận là tàu lưu trú cho khách thuê nghỉ đêm;

đ) Tự ý hoán cải, thay đổi kết cấu, tính năng, công dụng hoặc đóng mới tàu du lịch;

e) Không bố trí đủ người làm việc trên tàu đảm bảo thực hiện các chức danh theo quy định.

2. Đối với thuyền trưởng

a) Tự ý đón, trả khách ở cảng, bến hoặc địa điểm chưa được công bố, cấp phép hoạt động; điểm không được ghi trong giấy phép do Cảng vụ cấp, trừ trường hợp khẩn cấp, cứu nạn hoặc bất khả kháng;

b) Lập danh sách khách du lịch không đúng tên người, địa chỉ, số lượng người so

- với thực tế. Vận chuyển khách không đúng tên đã lập trong danh sách hành khách;
- c) Đưa khách đi tham quan không đến đủ các điểm tuyến du lịch quy định tại Phụ lục III kèm theo Bản quy định này. Không đưa khách đi đủ thời gian đã ký kết, thỏa thuận; tự ý cắt xén hành trình du lịch; thông đồng với người bán để khách du lịch mua bán hàng hóa, hải sản, sử dụng dịch vụ với giá cao; trộm cắp tài sản của khách;
- d) Cho tàu lưu trú neo đậu không đúng vị trí quy định được ghi trong giấy phép rời cảng, bến. Không khai báo đăng ký tạm trú cho khách du lịch nghỉ đêm trên tàu;
- đ) Chuyển nhượng khách du lịch sang tàu khác; bỏ khách du lịch tại điểm tham quan; chuyển tải khách trái quy định;
3. Chủ tàu du lịch, thuyền viên, người tham gia kinh doanh dịch vụ có các hành vi vi phạm nội quy, quy định của cảng, bến;
4. Chủ tàu du lịch, thuyền viên, khách du lịch có hành vi liên quan đến tệ nạn xã hội, buôn bán hàng cấm hoặc vi phạm đạo đức, lối sống, tín ngưỡng, văn hóa... của người Việt Nam;
5. Tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hóa, dịch vụ (ăn uống, đồ lưu niệm, hải sản...) có hành vi gian lận thương mại, ép khách hàng sử dụng dịch vụ, không niêm yết giá, không có thỏa thuận với khách hàng trước khi bán, thu tiền cao hơn giá niêm yết, hàng hóa không đảm bảo chất lượng, số lượng, không xuất hóa đơn theo quy định;
6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, hoạt động của tàu du lịch có hành vi hách dịch, cửa quyền, sách nhiễu, tiêu cực, tự đặt ra các quy định, thủ tục giấy tờ, lệ phí, thu tiền... trái pháp luật và trái với bản Quy định này; lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trách nhiệm, có các biểu hiện ép buộc để gây khó khăn cho chủ tàu du lịch, thuyền viên và khách du lịch dưới mọi hình thức;
7. Các hoạt động đổ chất thải xuống vùng nước Vịnh Hạ Long dưới mọi hình thức;
8. Các hành vi khác trái với các quy định của pháp luật, trái với quy định này.

Chương VII: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Mục 1. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA KINH DOANH TÀU DU LỊCH TRÊN VỊNH HẠ LONG

Điều 41. Trách nhiệm của Chủ tàu du lịch.

Thực hiện đúng các quy định tại Điều 3 của bản Quy định này và các quy định của

pháp luật và có trách nhiệm thực hiện các việc sau:

1. Ký hợp đồng neo đậu, đón trả khách, thỏa thuận sử dụng dịch vụ với chủ khai thác cảng, bến. Nội dung bản hợp đồng do hai bên bàn bạc thống nhất cụ thể.
2. Chịu trách nhiệm về lập sổ danh bạ, bổ sung và định biên thuyền viên, bố trí đủ người làm việc theo ca làm việc có tên trong danh bạ khi tàu hoạt động theo các quy định tại bản Quy định này.
3. Có quyết định phân công trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thuyền trưởng và các thuyền viên khác, nhân viên phục vụ và phổ biến trực tiếp đến từng đối tượng thực hiện; thường xuyên kiểm tra để có biện pháp khắc phục kịp thời những thiếu sót, vi phạm và chịu trách nhiệm về các hoạt động của người được giao quyền quản lý điều hành, thuyền viên, người làm việc trên tàu trong quá trình hoạt động.
4. Chủ động in ấn danh sách hành khách, lập và chịu trách nhiệm về nội dung, tính chính xác của danh sách hành khách mỗi chuyến đi.
5. Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người kinh doanh vận tải hành khách đường thủy nội địa. Chịu mọi trách nhiệm về kinh doanh của tàu du lịch có liên quan đến hoạt động, an toàn của phương tiện, hành khách, khiếu nại của hành khách.
6. Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh thực phẩm, an toàn tuyệt đối trong mọi trường hợp cho người và phương tiện trong quá trình kinh doanh. Khi có sự cố xảy ra, phải chủ động có biện pháp xử lý, báo cáo ngay với các cơ quan có liên quan tham gia giải quyết; chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục sự cố và bồi thường nếu lỗi do người hoặc phương tiện của mình gây ra.
7. Đại diện cho toàn bộ thuyền viên cam kết với chủ cảng, bến; Cảng vụ và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước và các quy định của bản Quy định này.
8. Thông báo cho các doanh nghiệp lữ hành, khách du lịch biết các quy định có liên quan để phối hợp thực hiện.
9. Phản ánh kịp thời với cơ quan chức năng về những việc làm sai trái, vi phạm những hành vi không được làm quy định tại Điều 40 Bản quy định này của các tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý nghiêm theo quy định.
10. Tham gia Hiệp hội tàu du lịch Quảng Ninh để tạo sự thống nhất, đồng thuận trong việc thực hiện các quy định, đảm bảo môi trường kinh doanh du lịch lành mạnh, hiệu quả.

Điều 42. Trách nhiệm của thuyền trưởng

Thực hiện đúng các quy định tại Điều 25 Bản quy định này; Khoản 1 Điều 8 Thông

tư liên tịch số 22/TTLT-BGTVT-BVHTTDL và các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm thực hiện các việc sau:

1. Hàng ngày, phải thường xuyên đôn đốc thuyền viên kiểm tra, thay thế các trang thiết bị an toàn, thiết bị phòng cháy chữa cháy, các vị trí có nguy cơ xảy ra dễ cháy nổ trên tàu. Bố trí đủ số lượng thuyền viên theo quy định tại bản Quy định này trong quá trình hoạt động. Phân công trách nhiệm cho từng thuyền viên trên tàu, đôn đốc thuyền viên thực hiện các trách nhiệm đã được phân công.
2. Phân công nhiệm vụ cho thuyền viên làm việc trên tàu theo từng vị trí; phân ca, kíp làm việc cụ thể, đảm bảo trực 24/24 giờ. Việc phân công phải được ghi lại cụ thể và lưu trên tàu.
3. Thường xuyên trực tiếp kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định, nội quy, điều kiện, biện pháp đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy; lập, lưu trữ, bổ sung kịp thời hồ sơ quản lý hoạt động phòng cháy chữa cháy của tàu.
4. Tổ chức việc hướng dẫn về nội quy an toàn, sử dụng các trang thiết bị an toàn cá nhân (áo phao, búa phá cửa thoát hiểm, bình cứu hỏa...) cho khách du lịch.
5. Trước khi rời khỏi cảng, bến hoặc các điểm tham quan, neo đậu phải kiểm tra, đối chiếu danh sách hành khách với số khách thực tế tàu. Trong trường hợp kết thúc hành trình đi tham quan, lưu trú sớm hơn so với hợp đồng phải được sự đồng ý của khách và được xác nhận bằng văn bản.
6. Kịp thời ngăn chặn và thông báo ngay cho các cơ quan chức năng xử lý các hoạt động trái pháp luật dưới mọi hình thức trên tàu.
7. Chịu trách nhiệm nhắc nhở hành khách thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm được quy định tại bản Quy định này.
8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vấn đề có liên quan đến hành khách; về các hoạt động của thuyền viên trên tàu trong quá trình hoạt động.
9. Chỉ được phép cho khách du lịch đã có vé tham quan, có vé hành khách và có tên trong danh sách hành khách; thuyền viên có tên trong danh bạ thuyền viên lên tàu, trừ các trường hợp khác được pháp luật cho phép.

Mục 2. TRÁCH NHIỆM CỦA KHÁCH DU LỊCH

Điều 43. Trách nhiệm của khách du lịch

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 10 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL; các quy định, nội quy trên tàu du lịch và tại các điểm tham quan; giữ gìn môi trường, cảnh quan thiên nhiên Vịnh Hạ Long.
2. Phải có hợp đồng thuê tàu, vé hành khách hợp lệ. Khai đúng tên, tuổi, địa chỉ của

mình và trẻ em từ 01 tuổi trở lên đi kèm để chủ phương tiện lập danh sách hành khách. Yêu cầu chủ phương tiện, người bán hàng dịch vụ giao hóa đơn, vé hành khách hợp lệ. Phải mua vé tham quan Vịnh Hạ Long.

3. Trường hợp đối với khách du lịch là người nước ngoài, hướng dẫn viên người Việt Nam phải chủ động lập danh sách hành khách chính xác và phổ biến cho khách biết các quy định có liên quan.

4. Xuất trình vé hành khách, vé tham quan Vịnh Hạ Long cho người kiểm soát tại cảng, bến và điểm tham quan; thanh toán tiền sử dụng các dịch vụ; bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ra các thiệt hại cho tổ chức và cá nhân. Tôn trọng và chấp hành nghiêm túc các quy định tại bản Quy định này và các quy định khác của pháp luật.

5. Trường hợp có khiếu nại với cơ quan quản lý phải có văn bản làm cơ sở giải quyết, xử lý.

6. Tuân thủ các nội quy về bảo vệ môi trường tại các bến cảng, trên các phương tiện hoạt động du lịch và những nơi đến du lịch; không được xả các chất thải xuống Vịnh Hạ Long; không mang hóa chất độc hại, chất nổ, chất dễ gây cháy khi tham gia các hoạt động du lịch.

Mục 3. TRÁCH NHIỆM CỦA HIỆP HỘI TÀU DU LỊCH QUẢNG NINH

Điều 44. Trách nhiệm của Hiệp hội tàu du lịch Quảng Ninh

1. Tuyên truyền, phổ biến cho các hội viên (chủ tàu) hiểu rõ và thực hiện theo đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Hỗ trợ các hội viên về việc khắc phục và giải quyết các sự cố rủi ro trong kinh doanh.

3. Tập hợp, nghiên cứu những ý kiến, đề nghị của hội viên để phản ánh, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh và các Ban, ngành chức năng của nhà nước về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ phát triển hoạt động của hội viên.

4. Tư vấn và hỗ trợ xây dựng, quảng bá, phát triển thương hiệu sản phẩm, dịch vụ và nâng cao uy tín doanh nghiệp;

5. Tư vấn pháp luật và giúp đỡ các hội viên tháo gỡ vướng mắc, giải quyết những vụ việc phát sinh từ hoạt động kinh doanh như: tranh chấp, khiếu nại, thủ tục hành chính, quan hệ lao động ...

6. Xây dựng và giám sát hội viên thực hiện các quy chế hoạt động của Hiệp hội.

7. Tham gia xây dựng khung giá vận chuyển; khung giá các loại hình dịch vụ phục

vụ khách du lịch để làm cơ sở thống nhất thực hiện..

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế hoạt động của Hiệp hội.

Mục 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Ngoài các trách nhiệm đã được phân công theo quy định của pháp luật hiện hành, các cơ quan có trách nhiệm thực hiện các việc sau:

Điều 45. Sở Giao thông Vận tải

1. Kiểm tra, giám sát các quy định về an toàn, kỹ thuật đối với tàu du lịch, cảng bến, điểm neo đậu, luồng tuyến thủy nội địa và các công trình khác có liên quan; cấp phép hoạt động, công bố cảng bến, điểm neo đậu, tuyến, luồng... theo quy định của pháp luật và Bản quy định này.
2. Cấp giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ an toàn giao thông cho nhân viên phục vụ trên phương tiện.
3. Tuyên truyền, giáo dục đội ngũ thuyền viên chấp hành các quy định của Nhà nước về giao thông đường thủy và các quy định về kinh doanh vận chuyển khách du lịch trên Vịnh Hạ Long.
4. Tổ chức thực hiện công tác đăng ký, đăng kiểm, cảng vụ và các công việc có liên quan theo quy định hiện hành, các quy định trong Bản Quy định này.
5. Chịu trách nhiệm xây dựng quy trình cấp, kiểm tra giấy phép vào, rời cảng, bến đảm bảo thuận tiện, phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh vận chuyển khách du lịch trên vịnh Hạ Long.
6. Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện; đề xuất các biện pháp giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện bản Quy định này.

Điều 46. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ du lịch cho thủy thủ, thuyền viên, nhân viên phục vụ trên tàu du lịch.
2. Thẩm định và công bố các tuyến, điểm, sản phẩm du lịch trên Vịnh Hạ Long.
3. Thực hiện xếp hạng cho tàu lưu trú.

Điều 47. Công an Tỉnh

1. Đảm bảo an ninh trật tự đối với hoạt động của tàu du lịch; công tác phòng chống cháy nổ và cứu nạn, cứu hộ; đăng ký và quản lý lưu trú, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện liên quan đến hoạt động của tàu du lịch trên vịnh Hạ Long.
2. Tiếp nhận và xử lý kịp thời các thông tin có liên quan đến an ninh trật tự. Chủ

động kiểm tra xử lý các tàu du lịch có vi phạm về an toàn giao thông đường thủy nội địa, an toàn phòng chống cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ và các vi phạm về quản lý lưu trú và các vi phạm khác theo quy định của pháp luật. Trao đổi thông tin về người, phương tiện hoạt động du lịch trên Vịnh Hạ Long có vi phạm về an ninh trật tự cho các cơ quan chức năng liên quan để tăng cường phối hợp quản lý.

Điều 48. Ban Quản lý Vịnh Hạ Long

1. Quản lý và chuẩn bị các điều kiện đảm bảo yêu cầu về an toàn, thuận tiện cho khách và tàu du lịch ra, vào các điểm tham quan, điểm neo đậu trên Vịnh Hạ Long.
2. Tổ chức hướng dẫn, giám sát việc thực hiện cam kết của các tàu du lịch trong việc chấp hành quy định về hành trình, điểm neo đậu, bảo vệ cảnh quan môi trường Vịnh Hạ Long.
3. Duy trì hoạt động liên tục của hệ thống thông tin (VHF) liên lạc với các tàu du lịch.
4. Là cơ quan thường trực cứu hộ, cứu nạn; chủ động phối hợp với các ngành, địa phương liên quan giải quyết các sự cố xảy ra trên Vịnh Hạ Long. Bố trí phương tiện để phục vụ nhiệm vụ tìm kiếm, cứu nạn và cứu hộ.
5. Tổ chức thu gom rác tại các điểm tham quan, điểm neo đậu và các điểm khác theo quy định.
6. Chịu trách nhiệm đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác các điểm neo đậu cho tàu lưu trú, cảng bến tại các điểm tham quan. Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển các điểm neo đậu cho tàu lưu trú.
7. Chủ trì xây dựng, thu tiền dịch vụ neo đậu áp dụng đối với tàu lưu trú khi hoạt động tại điểm neo đậu tàu lưu trú nghỉ đêm.
8. Tổ chức và phối hợp với các ngành và địa phương liên quan quản lý, kiểm tra, phát hiện và xử lý theo quy định đối với các hành vi vi phạm về vé tham quan vịnh Hạ Long, các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, cảnh quan vịnh Hạ Long quy định tại quyết định số 498/2007/QĐ-UBND ngày 07/02/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Điều 49. Sở Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên môi trường và thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và bản Quy định này.

Điều 50. Sở Y tế

1. Quy định danh mục thuốc thông thường và thiết bị y tế trên tàu du lịch.
2. Tổ chức tập huấn, cấp giấy chứng nhận về nghiệp vụ sơ, cấp cứu y tế; kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm cho thuyền viên tàu du lịch.

Điều 51. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Công thương, Cục thuế tỉnh và các đơn vị liên quan kiểm tra, rà soát hồ sơ kê khai giá và thực hiện kiểm tra giá của các tổ chức, cá nhân theo quy định

Điều 52. Cục Thuế tỉnh

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về thuế; công khai các thủ tục về thuế theo đúng quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho cơ sở kinh doanh nộp thuế nhanh chóng, thuận tiện. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật thuế, phí và xử lý vi phạm theo đúng thẩm quyền.
2. Thực hiện các biện pháp quản lý thuế của tàu du lịch.

Điều 53. Sở Công Thương

Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường tỉnh phối hợp với các cơ quan có liên quan tăng cường kiểm tra, xử lý các vi phạm về:

1. Đăng ký kinh doanh; hoạt động kinh doanh có điều kiện đối với các mặt hàng hạn chế kinh doanh như: Rượu, thuốc lá...;
2. Niêm yết giá, bán theo giá niêm yết;
3. Kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Điều 54. Ủy ban nhân dân các địa phương có liên quan

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước trên địa bàn về hoạt động kinh doanh vận chuyển khách du lịch trên Vịnh Hạ Long.
2. Kiểm tra, xử lý và chịu trách nhiệm về việc để các cảng, bến tàu du lịch trên địa bàn hoạt động trái phép.
3. Tổ chức đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường cho các tàu du lịch theo quy định.
4. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các nội dung đã ghi trong bản cam kết bảo vệ môi trường của các tàu du lịch.
5. Chủ trì trong việc chăm sóc, hỗ trợ ban đầu cho khách du lịch khi gặp nạn trên Vịnh Hạ Long.

Chương VIII: KIỂM TRA, THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**Điều 55. Thanh, kiểm tra**

1. Các cơ quan có thẩm quyền được thực hiện việc thanh, kiểm tra theo quy định của pháp luật đối với hoạt động kinh doanh vận chuyển khách du lịch trên Vịnh Hạ

Long.

2. Việc thực hiện thanh, kiểm tra theo đúng Luật Thanh tra, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính đã được sửa đổi, bổ sung năm 2008, có hiệu lực từ ngày 01/8/2008 và các quy định hiện hành.

3. Việc kiểm tra hành chính chỉ được thực hiện tại các bến, cảng, điểm neo đậu. Không được tùy tiện dừng tàu để kiểm tra khi chưa phát hiện các dấu hiệu vi phạm, trừ các trường hợp đã được pháp luật cho phép.

4. Các cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính có trách nhiệm trao đổi thông tin về vi phạm hành chính của các tàu du lịch cho Cảng vụ, chủ khai thác cảng, bến để làm cơ sở xử lý theo các cam kết được quy định.

Điều 56. Xử lý các vi phạm

1. Chủ tàu du lịch, thuyền viên tàu du lịch, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành bản Quy định này, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tàu du lịch có trách nhiệm ký cam kết trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước và các quy định tại bản Quy định này với chủ khai thác quản lý cảng, bến, điểm neo đậu, Cảng vụ.

3. Trong quá trình thực hiện nếu chủ tàu du lịch, thuyền viên có các hành vi vi phạm quy định tại các nội dung đã cam kết:

a) Chủ khai thác cảng, bến tàu du lịch từ chối hoặc huỷ hợp đồng đã ký về neo đậu đón trả khách tại cảng, bến; không cho người, phương tiện hoạt động trong phạm vi cảng, bến thuộc phạm vi quản lý;

b) Cảng vụ tạm dừng cấp giấy phép rời cảng, bến đối với phương tiện vi phạm. Thời gian tạm dừng cấp giấy phép rời cảng, bến tối đa không quá 05 ngày đối với mỗi lần vi phạm.

4. Trường hợp chủ tàu du lịch, thuyền viên, người quản lý điều hành... có vi phạm về an ninh trật tự, vi phạm nội quy, quy định của cảng, bến, vi phạm về giá hoặc khách du lịch có khiếu nại, tố cáo... thì chủ khai thác cảng, bến không cho phương tiện đón trả khách tại cảng, bến để kiểm tra, xác minh hoặc chuyển hồ sơ đến cơ quan chức năng để giải quyết. Sau khi giải quyết xong mới cho tàu tiếp tục đón trả khách tại cảng, bến.

5. Tàu lưu trú vi phạm các quy định về lưu trú tại bản Quy định này, ngoài việc bị xử lý vi phạm hành chính, cơ quan chức năng có thẩm quyền thu hồi ngay các giấy tờ có liên quan đến lưu trú của tàu như: Giấy chứng nhận điều kiện an ninh trật tự, giấy chứng nhận đủ điều kiện lưu trú du lịch. để xem xét, xử lý theo quy định.

6. Trường hợp tàu du lịch vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, cấp có thẩm quyền sẽ dừng hoạt động kinh doanh vận chuyển khách du lịch đối với hoạt động tàu thuộc quyền quản lý của chủ phương tiện theo thẩm quyền.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Điều khoản thi hành

1. Quy định này thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh trước đây ban hành như sau:

a) Quyết định số 716/2011/QĐ-UBND ngày 15/3/2011; Quyết định số 3018/2011/QĐ-UBND ngày 23/9/2011; Quyết định số 1886/2012/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 Quy định về việc quản lý hoạt động tàu vận chuyển khách tham quan du lịch và tàu lưu trú khách du lịch trên Vịnh Hạ Long;

b) Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 05/01/2012 về việc quy định màu sơn vỏ tàu và buồm nâu (nếu tàu có sử dụng buồm) đối với các tàu du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long;

2. Quy định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quy định này, nay bãi bỏ.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề mới không phù hợp cơ quan thường trực có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy định này cho phù hợp.

4. Các ông, bà: Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương Hạ Long, Cẩm Phả, Vân Đồn; Thủ trưởng các sở, ngành chức năng có liên quan và các tổ chức kinh tế - xã hội, các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh tàu du lịch trên vịnh Hạ Long chịu trách nhiệm thi hành quy định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Công an, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (để báo cáo);
- Tổng cục Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an, Ban Quản lý Vịnh Hạ Long, Giao thông vận tải, Tài chính, Công Thương, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thị Thu Thủy

- Như Điều 57 (thực hiện);
 - UBND thành phố Cẩm Phả, huyện Vân Đồn (phối hợp thực hiện);
 - Trung tâm thông tin (đưa tin);
 - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Quảng Ninh (đưa tin);
 - V0, V1, V3, GT2, DL1,2, VX2, NC, TM3, TH1;
- Lưu: VT, DL2. 100b.